

BẢN TIN HÀNG NGÀY

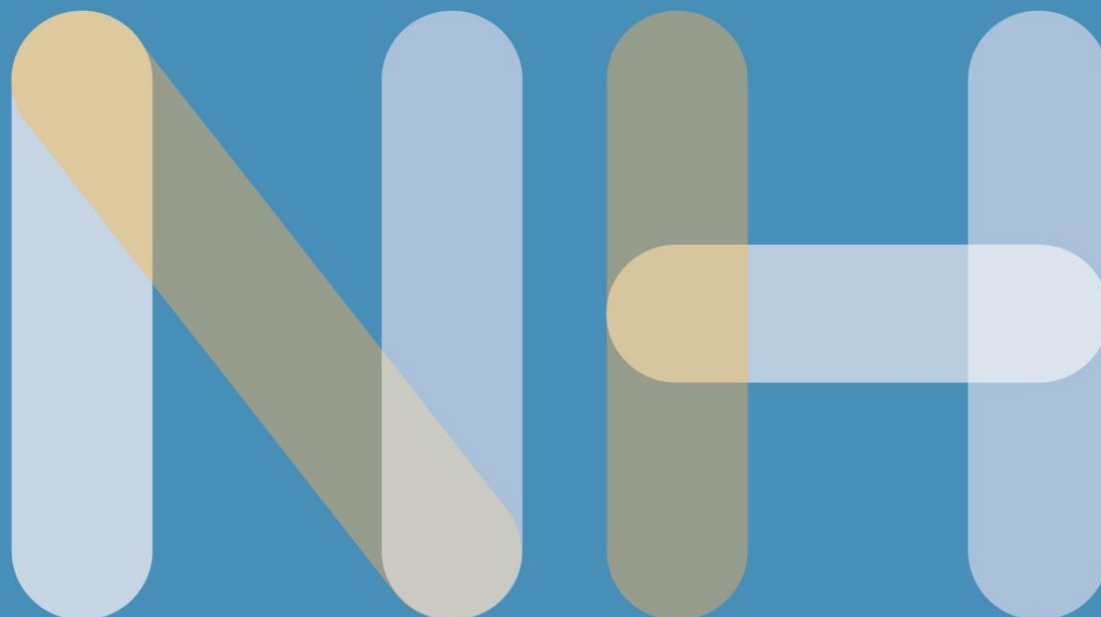
22 tháng 10 năm 2026



Tham gia Cộng đồng
Nhà đầu tư NHSV trên Zalo



Tải ứng dụng NHSV Pro để mở tài
khoản và giao dịch



Vn-Index tiếp tục tăng gần 22 điểm

- Vn-Index tăng tốt ngay từ đầu ngày, và duy trì mức tăng này trong suốt quãng thời gian còn lại, đóng cửa tăng 22 điểm
- Tuy vậy, số lượng mã giảm lại lớn hơn số mã tăng
- Nhóm VIN (VIC VHM VRE VPL) đều tăng điểm và đóng góp 20.3 điểm vào chiều tăng
- 1 số nhóm ngành khác tăng nhẹ là dầu khí, phân bón, bất động sản, cảng biển, và dệt may
- Ngược lại, nhóm giảm điểm là chứng khoán, và bán lẻ
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 23% so với ngày trước đó

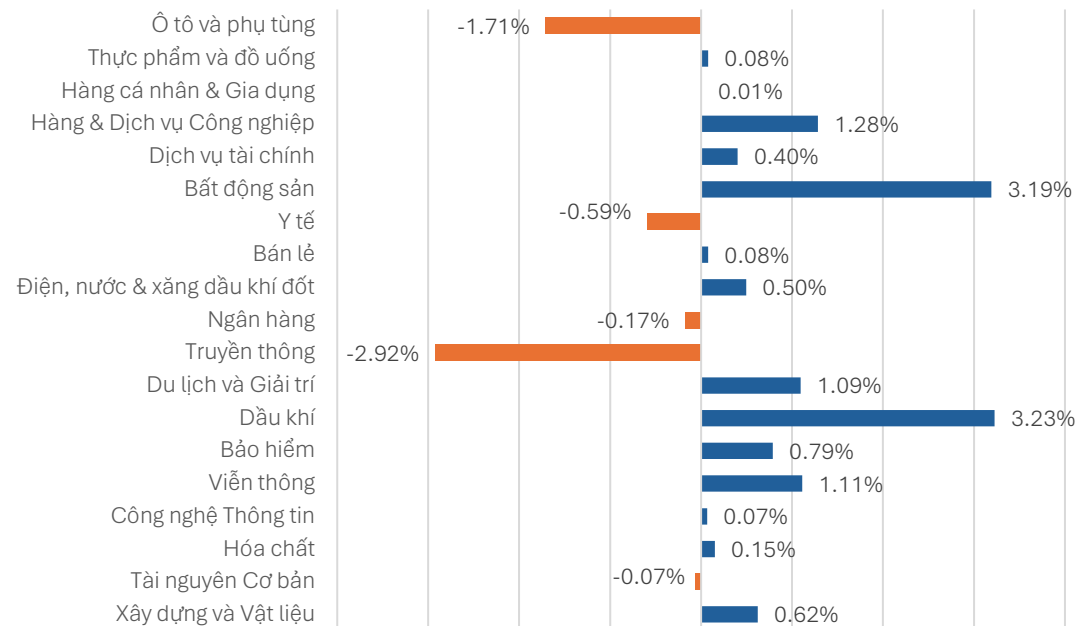


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,760.6	261.1	126.9
(+/-)	21.96	-0.59	0.67
(%)	1.26%	-0.23%	0.53%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	572	51	22
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	13,301	763	387
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	326	(9)	0
Số mã tăng	149	57	111
Số mã giảm	167	74	86
Số mã giá không đổi	57	66	93

1.

Nhận định thị trường

- Nếu loại nhóm VIN thì VN-Index hôm nay sẽ tăng nhẹ ~1.5 điểm
- Số lượng mã giảm lớn hơn số mã tăng đôi chút, cũng là tín hiệu bình thường: thị trường điều chỉnh nhẹ sau phiên tăng tốt hôm qua
- Ngoài ra, khối ngoại đã mua ròng 2 phiên liên tiếp cũng tạo ra động lực mới cho thị trường
- Trong hơn 1 năm qua, Vn-Index vẫn thường hồi hình chữ V, và lần này cũng hoàn toàn có thể sẽ hồi phục nhanh như vậy. Vn-Index có thể sẽ tăng tiếp trong phiên ngày mai, trước khi điều chỉnh
- Nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn các nhóm ngành đã điều chỉnh hôm nay để mua vào, như bán lẻ, chứng khoán



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	8.67	1.65
2	Nguyên vật liệu	10.81	1.48
3	Công nghiệp	11.76	1.70
4	Hàng Tiêu dùng	13.13	2.18
5	Dược phẩm và Y tế	13.76	1.44
6	Dịch vụ Tiêu dùng	18.90	3.50
7	Viễn thông	17.22	5.34
8	Tiện ích Cộng đồng	10.17	1.64
9	Tài chính	17.42	2.63
10	Ngân hàng	8.31	1.38
11	Công nghệ Thông tin	11.04	2.22

2.

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
STB	1.58%	HDC	4.48%	ORS	6.48%	VCF	4.48%	CII	2.93%	NKG	3.45%	GAS	1.43%	DCM	2.62%
HDB	1.13%	VIC	4.16%	DSC	0.41%	ANV	3.00%	PC1	1.56%	HPG	0.47%	PPC	1.38%	CSV	1.71%
OCB	0.98%	VHM	3.56%	TVS	0.39%	FMC	0.69%	BMP	0.07%	HSG	0.00%	BWE	1.31%	DPM	0.46%
TPB	0.79%	VPI	3.14%	FTS	-0.52%	HAG	0.34%	HHV	-0.20%	DHC	-0.13%	CHP	0.00%	GVR	0.31%
EIB	0.59%	VRE	1.40%	HCM	-0.62%	BAF	0.32%	VCG	-0.32%	PTB	-0.48%	VSH	0.00%	VFG	0.00%
ACB	0.49%	NLG	1.31%	DSE	-0.76%	MSN	0.27%	VGC	-0.90%	ACG	-3.27%	NT2	0.00%	DPR	-0.13%
CTG	0.16%	SIP	1.11%	VIX	-0.79%	SAB	0.23%	HTI	-1.32%			HNA	0.00%	AAA	-0.27%
NAB	0.00%	IJC	1.08%	EVF	-0.83%	KDC	0.00%	CTD	-1.50%			GEG	-0.41%	PHR	-0.46%
SHB	0.00%	SZC	1.03%	VDS	-0.95%	ASM	0.00%	CTR	-1.57%			PGV	-0.48%	DGC	-1.31%
VCB	-0.18%	TCH	0.84%	VCI	-1.02%	SBT	0.00%					REE	-0.54%		
VPB	-0.21%	DXG	0.47%	VND	-1.08%	MCM	-0.19%					POW	-0.79%		
VIB	-0.35%	PDR	0.42%	BSI	-1.11%	VNM	-0.34%					PGD	-1.27%		
MBB	-0.50%	DXS	0.38%	SSI	-1.23%	BHN	-0.36%					TMP	-1.32%		
TCB	-0.73%	KDH	0.34%	AGR	-1.28%	VHC	-0.58%					TDM	-1.66%		
BID	-0.88%	KBC	0.18%	CTS	-1.37%	DBC	-0.62%								
MSB	-0.96%	QCG	0.00%			PAN	-3.17%								
SSB	-1.23%	NVL	-0.47%												
LPB	-1.76%	DIG	-0.49%												
		HDG	-0.96%												
		BCM	-0.97%												
		SJS	-1.27%												
		CRE	-2.24%												
		KOS	-6.87%												

3.

Giao dịch khối ngoại

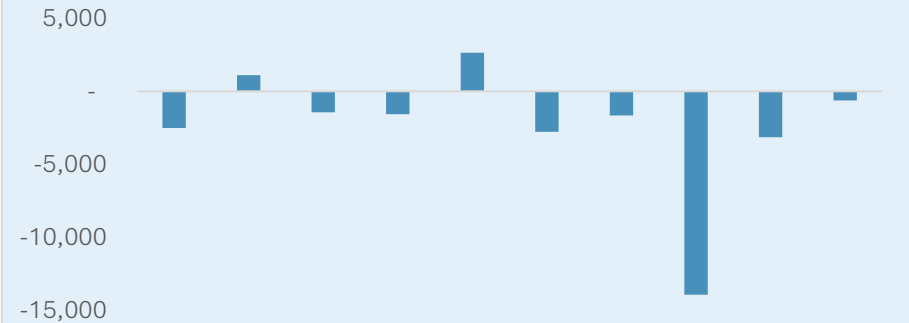
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VIC	HOSE	282.89	43.46	239.44
2	TCB	HOSE	303.07	125.50	177.57
3	VHM	HOSE	238.42	77.84	160.57
4	MSN	HOSE	173.13	32.33	140.80
5	HPG	HOSE	97.14	37.45	59.69
6	GEE	HOSE	35.75	2.19	33.56
7	GMD	HOSE	77.22	43.80	33.42
8	PVD	HOSE	26.30	0.24	26.06
9	DCM	HOSE	25.73	0.00	25.72
10	CII	HOSE	25.31	1.72	23.59
11	VRE	HOSE	32.20	10.41	21.79
12	ORS	HOSE	21.55	1.20	20.35
13	IDC	HNX	19.60	0.78	18.82
14	CTG	HOSE	53.57	35.32	18.26
15	VSC	HOSE	22.16	6.35	15.81

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	FPT	HOSE	90.61	354.80	- 264.19
2	KDC	HOSE	0.11	95.95	- 95.84
3	STB	HOSE	7.92	93.00	- 85.08
4	ACB	HOSE	34.61	78.90	- 44.29
5	NVL	HOSE	0.20	30.78	- 30.58
6	MSB	HOSE	7.42	34.94	- 27.52
7	VCB	HOSE	10.30	33.94	- 23.64
8	LPB	HOSE	6.78	30.01	- 23.23
9	BID	HOSE	5.31	24.16	- 18.85
10	GEX	HOSE	6.28	24.99	- 18.71
11	VPI	HOSE	0.55	18.90	- 18.35
12	CEO	HNX	0.00	17.93	- 17.93
13	VPL	HOSE	4.50	22.29	- 17.79
14	SHB	HOSE	3.45	18.43	- 14.97
15	GAS	HOSE	5.18	16.33	- 11.15

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	110.01	-0.05%	3.72%	80.79%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	97.15	-4.56%	2.17%	69.19%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,150.70	0.20%	1.04%	-4.04%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,632	-0.01%	-0.04%	2.03%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,030	-0.08%	-0.12%	-1.32%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,080	0.00%	0.12%	-2.76%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	3.30%	-0.41%	-0.28%	1.53%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.69%	0.00%	0.00%	0.62%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.85%	0.00%	0.00%	0.67%

Giá dầu thế giới duy trì ổn định ở mức cao khi nhà đầu tư theo dõi diễn biến địa chính trị

Giá dầu Brent duy trì quanh 110 USD/thùng và WTI ở mức 97 USD/thùng trong hai phiên 21–22/10. Thị trường được hỗ trợ bởi dự trữ dầu thô Mỹ giảm, trong khi đàm phán giữa Mỹ và Iran chưa được nối lại. Tuy nhiên, kỳ vọng tiến triển trong đàm phán Nga – Ukraine khiến nhà đầu tư thận trọng, hạn chế đà tăng của giá dầu.

5.

Bản tin doanh nghiệp



DBC: Giá lợn hơi giảm, Dabaco báo lãi ròng quý III/2026 giảm hơn 41% dù doanh thu tăng

CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC) vừa công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2026 với doanh thu thuần hơn 5.138 tỷ đồng, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, Dabaco mang về doanh thu thuần hơn 13.515 tỷ đồng, tăng 21% so với 9 tháng đầu năm 2025; lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt hơn 863,3 tỷ đồng, giảm 36,4%.

Theo giải trình của Dabaco, nguyên nhân chủ yếu là do giá lợn hơi giảm, kéo theo doanh thu và lợi nhuận của các công ty chăn nuôi đều giảm so với cùng kỳ.



MSN: Lợi nhuận Masan tăng hơn gấp đôi, vượt kế hoạch cơ sở cả năm sau 9 tháng

CTCP Tập đoàn Masan (MSN) công bố KQKD quý 3 và 9T2026 với mức LN tăng trưởng bất phá. Động lực chính đến từ sự bứt phá của Hệ điều hành Tiêu dùng (cOS), mảng vật liệu khoáng sản chiến lược cùng khoản đóng góp ổn định từ công ty liên kết.

Trong quý 3/2026, MSN đạt doanh thu thuần 36,981 tỷ đồng, tăng 74.7% yoy. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần toàn Tập đoàn đạt 89,118 tỷ đồng, tăng 52.7% yoy. LNST và LN ròng đạt lần lượt 10,325 tỷ đồng và 8,042 tỷ đồng, gấp 2.3 lần và 3.1 lần cùng kỳ. Như vậy, chỉ sau 9 tháng, LNT đã vượt kế hoạch cơ sở cả năm 2026 sau điều chỉnh (10,000 tỷ đồng) và gấp khoảng 1.5 lần LN thực hiện cả năm 2025.



ANV: Lãi quý 3 của ANV tiếp tục giảm do giá vốn leo thang

Doanh thu thuần quý 3/2026 tăng 4% lên 2,071 tỷ đồng, nhưng giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động tăng đáng kể đã kéo lợi nhuận sau thuế của CTCP Nam Việt (ANV) giảm 27% so với cùng kỳ, lùi về 207 tỷ đồng. Theo giải trình, trong quý 3/2026, ANV tăng doanh thu nhờ sản lượng tiêu thụ cải thiện. Tuy nhiên, tốc độ tăng của giá vốn hàng bán vượt doanh thu, tăng 10% lên 1,666 tỷ đồng, khiến lợi nhuận gộp giảm 17% xuống còn 405 tỷ đồng. Bên cạnh áp lực từ giá vốn, chi phí hoạt động và chi phí tài chính trong kỳ cũng đều nhích lên so với quý 3/2025

6.

Lịch sự kiện

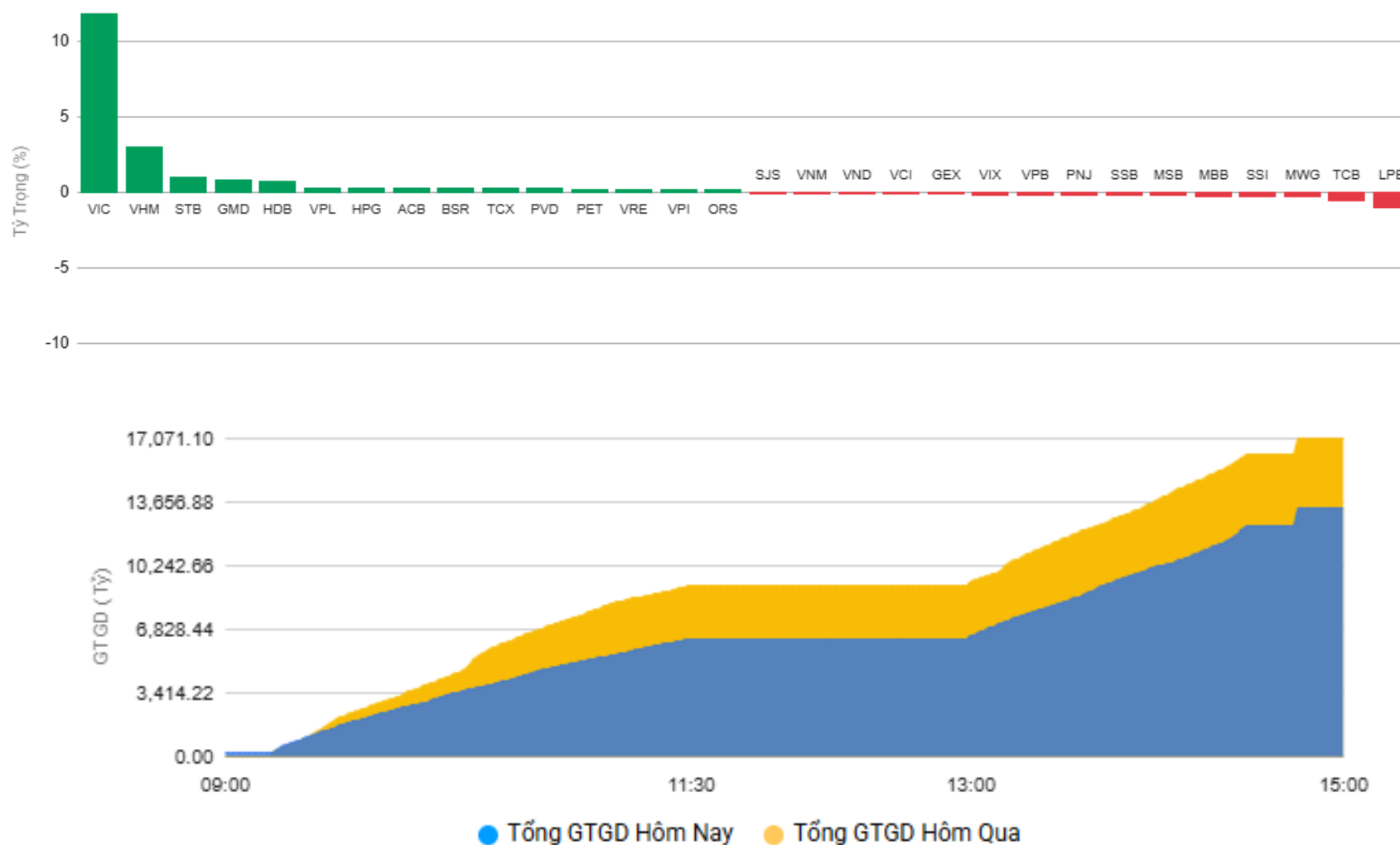
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
TTT	23/10/2026	25/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
NTC	23/10/2026	20/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	60.00%	6,000
KSV	23/10/2026	11/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
TJC	23/10/2026	05/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14.00%	1,400
THU	23/10/2026	16/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.72%	672
PTH	23/10/2026		Phát hành cổ phiếu	50.00%	
VMD	23/10/2026	09/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
HNH	23/10/2026	10/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.00%	400
VCP	26/10/2026	06/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	9.00%	900
ANV	29/10/2026	15/12/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
SJG	29/10/2026	16/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12.00%	1,200
PMJ	30/10/2026		Phát hành cổ phiếu	70.00%	
PRC	30/10/2026		Phát hành cổ phiếu	100.00%	
CLW	30/10/2026	01/12/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.00%	400
UPC	30/10/2026	27/11/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TẤN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (22/10/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	23/07/2026	26,980	23,950	12.7%	Link	Link
TPB	1/7/2024	07/08/2026	17,390	12,750	36.4%	Link	Link
TCB	12/8/2024	24/07/2026	37,300	34,150	9.2%	Link	Link
MBB	29/8/2024	21/08/2026	25,000	19,900	25.6%	Link	Link
ACB	23/9/2024	29/07/2026	27,000	20,500	31.7%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	24,700	22,350	10.5%	Link	Link
CTG	28/11/2024	8/5/2026	41,300	30,550	35.2%	Link	Link
VCB	24/2/2025	07/08/2026	72,000	56,300	27.9%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	33,800	41.2%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	64,100	-8.4%	Link	Link
HPG	13/01/2025	13/8/2026	28,100	21,250	32.2%	Link	Link
HSG	14/02/2025	18/8/2026	11,700	10,950	6.8%	Link	Link
NKG	7/3/2025	17/8/2026	12,200	12,000	1.7%	Link	Link
VSC	18/06/2025	03/09/2026	22,800	14,550	56.7%	Link	Link
HAH	31/3/2025	21/08/2026	61,600	50,900	21.0%	Link	Link
PVT	17/7/2025	3/8/2026	24,000	23,600	1.7%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (22/10/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	02/06/2026	40,400	23,150	74.5%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	31,450	14,900	111.1%	Link	Link
DXG	15/11/2024	03/9/2026	17,200	10,600	62.3%	Link	Link
DXS	15/1/2025	03/9/2026	8,000	5,260	52.1%	Link	Link
KBC	22/1/2025	9/9/2026	35,500	27,100	31.0%	Link	Link
BCM	4/8/2024	17/09/2026	70,200	40,800	72.1%	Link	Link
VRE	21/3/2025	30/07/2026	29,600	25,300	17.0%	Link	Link
VHM	29/4/2025	04/08/2026	75,000	64,000	17.2%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	21,043	11,650	80.6%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	12,050	54.4%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	151,500	12.2%	Link	Link
MWG	13/2/2026	21/08/2026	99,999	75,300	32.8%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	24,270	18,900	28.4%	Link	Link
DGW	23/04/2026	21/08/2026	49,999	45,700	9.4%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (22/10/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VNM	28/05/2026	28/05/2026	75,000	58,100	29.1%		Link
ANV	05/06/2026	04/09/2026	25,000	18,900	32.3%		Link
VHC	05/06/2026	05/06/2026	65,000	51,500	26.2%		Link
PHR	05/06/2026	05/06/2026	46,670	32,550	43.4%		Link
FMC	12/06/2026	12/06/2026	45,000	36,350	23.8%		Link
REE	12/06/2026	12/06/2026	62,000	46,000	34.8%		Link
DPG	12/06/2026	12/06/2026	45,000	30,400	48.0%		Link
SIP	18/06/2026	18/06/2026	74,000	50,000	48.0%		Link
IDC	19/06/2026	19/06/2026	54,550	35,800	52.4%		Link
PHP	26/06/2026	26/06/2026	59,000	47,600	23.9%		Link
SAB	25/09/2026	25/09/2026	55,555	43,400	28.0%		Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

